

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA TĂNG TIẾN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI NHỰA TĂNG TIẾN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TANG TIEN PLASTIC SERVICE AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400969995

**3. Ngày thành lập:** 04/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Đội 4, Xã Tăng Tiến, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0984623238

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>( Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                              | 4610                                                         |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                          | 4649                                                         |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                      | 4653                                                         |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                             | 4659                                                         |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                           | 4669                                                         |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các hàng hoá công ty sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.                                      | 8299                                                         |
| 7.  | Bán buôn tổng hợp<br>( Trừ kinh doanh các mặt hàng cấm)                                                                                                                                                                                     | 4690                                                         |
| 8.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>( Trừ kinh doanh các mặt hàng cấm)                                                                                                                                                    | 4719                                                         |
| 9.  | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                                                        | 2013                                                         |
| 10. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                | 2220(Chính)                                                  |
| 11. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                              | 4933                                                         |
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                 | 5210                                                         |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                     | 5225                                                         |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>( Không gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải hàng không)                                                                                                                             | 5229                                                         |
| 15. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                     | 3320                                                         |
| 16. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                               | 3700                                                         |
| 17. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                              | 3811                                                         |
| 18. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại<br>Chi tiết: Dịch vụ thu gom vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, xử lý chất thải công nghiệp                                                                                                     | 3821                                                         |
| 19. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại                                                                                                                                                                                                          | 3822                                                         |
| 20. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                            | 3830                                                         |
| 21. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>Chi tiết: Dịch vụ xử lý và dọn dẹp các nơi bị ô nhiễm môi trường, xử lý sự cố môi trường                                                                                               | 3900                                                         |
| 22. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>( Trừ kinh doanh các mặt hàng liên quan đến lĩnh vực tem, súng đạn, tiền kim khí, vàng miếng)                                                                                   | 4773                                                         |
| 23. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ LƯƠNG NGUYỄN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 16/12/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034192001655

Ngày cấp: 19/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Khuốc, Xã Liên Hiệp, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Khuốc, Xã Liên Hiệp, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ LƯƠNG NGUYỄN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/12/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034192001655

Ngày cấp: 19/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Khuốc, Xã Liên Hiệp, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Khuốc, Xã Liên Hiệp, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang